

Bản án số: 04 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung
2. Ông Dương Quý Sáng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Ngày 12/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị D– Sinh năm 1995

Trú tại: Bản CS, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T – Sinh năm 1992

Trú tại: Bản CS, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

(Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Triệu Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị D và anh Hoàng Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2011 đến ngày 19 tháng 8 năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Sau khi đăng ký kết hôn chị D và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh T thay đổi tính nết, thường xuyên uống rượu, đánh đập chị D. Do hành vi bạo lực gia đình của anh T diễn ra thường xuyên nên chị D đã mời Công an đến giải quyết nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 02 năm 2019 chị D về nhà bố mẹ đẻ tại bản Khoai 2, xã Bảo Hà sinh sống từ đó chị D và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị D xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung anh chị có 02 con chung:

Cháu Hoàng Văn T – Sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012 và cháu Đặng Hoàng Thị P – Sinh ngày 04 tháng 6 năm 2014. Sau khi ly hôn chị D không có nguyện vọng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án giao 02 cháu cho anh T Nuôi Dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyenf, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị Dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị D ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị P (SN: 04/6/2014) cho chị Triệu Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Văn T (SN: 11/5/2012) và cho anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Dkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Hoàng Văn T và giải quyết nuôi con chung; anh T cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dvà anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai vào ngày 19 tháng 8 năm 2016. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Dvà anh T là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng anh chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ xác định được chị Dvà anh T vợ chồng không hạnh phúc. Chị Dvà anh T đã ly thân từ năm 2018, đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung:

Chị Dkhông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Các cháu hiện nay đang học tập và sống cùng anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ được mức thu nhập của anh T là 5.000.000 đồng/01 tháng. Chị Dkhông có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên anh T thu nhập không cao. Vì vậy cần Giao cháu Hoàng Thị P (SN: 04/6/2014) cho chị Triệu Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Văn T (SN: 11/5/2012) và cho anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Triệu Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn T

2. Về con chung:

Giao cháu Hoàng Thị P sinh ngày 04 tháng 6 năm 2014 cho chị Triệu Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Hoàng Văn T sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012 và cho anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn chị D và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Chị Triệu Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003588 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã KS;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quý Sáng – Trần Duy Hưng

Vũ Quang Đại

